

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN MINH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2022/DS-ST

Ngày: 20-01-2022

V/v Tranh chấp đòi quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Trường Hận.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Tấn Đẻ

2. Ông Nguyễn Văn Cho.

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Vũ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 01 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 144/2017/TLST-DS ngày 05 tháng 10 năm 2017 về việc “*Tranh chấp đòi quyền sử dụng đất*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 154/2021/QĐXXST-DS ngày 24/12/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông K, sinh năm 1969; Có mặt

- Bị đơn: Ông P, sinh năm 1967; Có mặt

Cùng địa chỉ: ấp A, xã T, huyện M, Kiên Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà N, sinh năm 1969 (vợ ông P); Có đơn xin vắng

2. Bà Đ, sinh năm 1974 (vợ ông K);

3. Anh V, sinh năm 1995 (con ông K);

4. Anh L, sinh năm 2001 (con ông K);

Người đại diện theo ủy quyền cho bà Đ, anh V, anh L là: Ông K, theo văn bản ủy quyền ngày 27/12/2021. Có mặt

Cùng địa chỉ: ấp A, xã T, huyện M, Kiên Giang.

5. Ông Đ1, sinh năm 1951; địa chỉ: ấp T, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau; Có đơn xin vắng

6. Bà T, sinh năm 1957; địa chỉ: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Kiên Giang; Có đơn xin vắng

7. Ông H, sinh năm 1963; Có mặt

8. Ông H1, sinh năm 1965; Có mặt

9. Bà K1, sinh năm 1971; Có mặt

10. Bà U (U Q), sinh năm 1973; Có mặt

11. Bà T1, sinh năm 1978; Có mặt

12. Anh S, sinh năm 1976; Có đơn xin vắng

Cùng địa chỉ: ấp A, xã T, huyện M, Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông K trình bày:

Cha ông là cụ T3 (chết năm 1986) và mẹ là cụ H3 (chết năm 1998). Cụ T3 và cụ H3 có tất cả 11 người con, chết 02 người còn 09 người, người anh P1 chết lúc 12 tuổi, còn chị Đ2 thôi chồng lúc con mới 03 tuổi, sau khi thôi chồng khoảng hơn 01 năm cũng chết. Bà Đ2 có 01 người con là S. Khi còn sống cụ T3 chưa phân chia đất cho con, sau khi cụ T3 chết, cụ H3 mới cho đất các con gồm: 03 người con trai là ông H1, ông P, ông H mỗi người một nền nhà giáp Kinh Xẻo Nhàu, phần nền nhà giáp Kinh Xẻo Nhàu còn lại giao cho ông K toàn quyền sử dụng. Phần đất ruộng cụ H3 chia cho các con gồm: ông H, ông P, ông H1, bà T1 mỗi người một mương, phần còn lại giao cho ông K quản lý, sử dụng. Phần đất nền nhà giáp Kinh Xẻo Nhàu và đất ruộng (hiện nay là ruộng nuôi tôm) không có tranh chấp.

Riêng phần đất vườn không phân chia, cụ H3 và các anh chị em thống nhất giao toàn quyền cho ông K và ông K được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất toàn bộ.

Khi làm lộ và mức Kinh Tả Hữu ngang đất vườn, ông K dự định cho anh chị em mỗi người một nền để cất nhà ở gồm: ông H, ông H1, ông P, bà T1, bà K1, bà U, mỗi người một nền ngang 10 mét, phần còn lại khoảng 07 mét lẽ ra cho bà Đ2 nhưng bà Đ2 chết nên dự định cho con bà Đ2 là anh S. Khi ông P về cất nhà ở trên phần đất 10 mét được ông K cho thì chiếm luôn phần còn lại mà ông K dự định cho bà U, bà K1, anh S. Theo đơn khởi kiện bổ sung ngày 04/7/2017 ông K yêu cầu ông P trả phần đất chiều ngang khoảng 10 mét. Đơn bổ sung ngày 31/7/2017 ông K xác định phần đất yêu cầu ngang 19 mét, dài 25 mét. Theo đơn khởi kiện bổ sung ngày 16/11/2021 ông K xác định: yêu cầu vợ chồng ông P tháo dỡ, di dời cây trồng, công trình xây dựng trên đất tranh chấp và trả lại phần đất chiều ngang 26,07 mét, chiều dài giáp phần đất cho ông P là 15,07 mét, giáp đất cho ông H1 là 15,21 mét. Do cây trồng và công trình phát sinh sau tranh chấp nên ông P phải tự di dời, không hỗ trợ bồi thường.

Tại phiên tòa: Ông K yêu cầu ông P và bà N trả lại phần đất đã lấn chiếm ngang giáp mốc giải tỏa là 26,07 mét, giáp Ven Dọc (Kinh Tả Hữu) là 25,68 mét, chiều dài bằng phần đất còn lại sau khi trừ lề đường và mốc giải tỏa. Phần chiều ngang 10 mét ông đã cho ông P và 10 mét cho ông H1 thì vẫn tiếp tục cho, không yêu cầu đòi lại. Còn các phần đất khác trước đây cụ H3 đã cho anh em do ông đứng tên quyền sử dụng, nếu anh em có nhu cầu tách quyền sử dụng thì làm thủ tục ông tách phần cho từng người.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông P trình bày:

Tại Tờ tường trình ngày 20/10/2017 ông P và bà N trình bày: Nguyên trước đây cha mẹ ông có phần đất ruộng và đất ở tại ấp Xẻo Nhàu A, xã Tân Thạnh do cụ H3 đứng tên. Năm 1987 cha ông chết, đến năm 1992 nhà nước có chủ trương chuyển dịch nuôi tôm lúa nên mẹ ông đứng ra phân chia đất cho các con: ông K hưởng chiều ngang 40 mét chạy dài tới Kinh 10; H ngang 15 mét chạy dài tới Kinh 10; T1 ngang 15 mét chạy dài tới Kinh 10; P ngang 22 mét chạy dài tới Kinh 10; H1 ngang 31 mét chạy dài tới Kinh Giữa. Năm 1994 nhà nước mức Kinh Tả Hữu đi ngang phần đất nhưng không đền bù; năm 2005 nhà nước làm Lộ Xẻo Nhàu có bồi thường nhưng ông K là người nhận tiền, anh em không ai khiếu nại gì.

Tại biên bản hòa giải ngày 23/11/2017 ông P trình bày: Phần đất vườn tạp ngang 120 mét, trước khi cụ H3 chết có cho 03 người con, mỗi người một nền

gồm: ông H 01 nền ngang 20 mét, ông P 01 nền ngang 20 mét, ông H1 01 nền 20 mét.

Tại phiên hòa giải ngày 24/12/2021 và tại phiên tòa, bị đơn ông P trình bày:

Khi còn sống, cụ T3 và cụ H3 có phần đất tại ấp Xẻo Nhàu A, chỗ anh em đang ở và làm ruộng. Sau khi cụ T3 chết, chuyển đổi qua nuôi tôm (cách nay khoảng 30 năm), cụ H3 mới cho 04 người con trai đất ruộng và nền nhà. Phần này không tranh chấp. Còn phần đất giáp Lộ Xẻo Nhàu và giáp Kinh Tả Hữu: Phần giáp MH đo qua là 47 mét, phần này cụ H3 cho ông P và ông H1 chia hai (phần này hiện nay tranh chấp). Phần còn lại giáp ông P là cho bà T1 khoảng 10 mét, kế tiếp là ông H mười mấy mét, kế tiếp là bà T 10 mét, kế tiếp ông Đ1 10 mét, phần còn lại ông K hưởng không biết bao nhiêu mét (phần ông Đ1 và bà T đã để lại cho ông K nhưng không biết cho hay bán, ông K cũng chuyển nhượng cho người khác). Các phần đất nêu trên cụ H3 cho con đều phân chia bằng lời nói, không có văn bản hay để lại di chúc gì hết. Lúc cụ H3 cho đất là chưa có Kinh Tả Hữu, chưa có lộ Xẻo Nhàu A. Khi mức Kinh Tả Hữu không có bồi thường, khi làm Lộ Xẻo Nhàu có bồi thường nhưng ông P không có nhận tiền mà ông K nhận toàn bộ. Tài liệu bồi thường ông nộp là phần bồi thường làm Lộ 964. Đất ông được cho là khi cụ T3 đã chết, cụ H3 cho ông chiều ngang 20 mét từ nền nhà Kinh Xẻo Nhàu chạy dọc tới Kinh 10. Cho nói miệng, không có văn bản giấy tờ gì. Ông P không tranh chấp thừa kế tài sản. Phần đất này đo thực tế còn 46,7 mét, lẽ ra chia cho ông và ông H1 người phân nữa. Nhưng nay ông chỉ lấy 20 mét, từ mí ranh giáp bà T1 đo qua. Còn lại giao cho ông H và ông K. Phần đất ruộng theo đơn yêu cầu phản tố thì không có tranh chấp, có ranh cụ thể rồi, không yêu cầu giải quyết trong vụ này. Không yêu cầu bồi thường cây trồng, công trình trên đất. Nếu đất thuộc về ông K sẽ tự tháo dỡ, di dời.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, ông H1 trình bày:

Tại tờ tường trình (bút lục 65) ông H1 trình bày: Trước đây khi cha mẹ còn sống có cho anh em mỗi người một nền nhà cặp Kinh Xẻo Nhàu. Hiện nay vẫn đang sử dụng, chỉ có nền nhà của ông P là bán lại cho bà U. Đến khi cha mẹ qua đời thì ông K được cha mẹ ủy quyền thừa kế đứng tên quyền sử dụng tài sản, đất đai. Khoảng năm 2004 - 2005 Lộ Xẻo Nhàu thi công, ông K được bồi thường đất vườn tạp và từ đó phần đất vườn tạp trở thành đất nền chạy dọc theo Lộ Xẻo Nhàu. Ông K cắt nền cho thêm anh em mỗi người 10 mét, chỉ có T1 là 12 mét, cháu S 07 mét. Ông P cũng được ông K cho 10 mét. Ngoài phần đất ông K đã cho, ông P còn

chiếm luôn phần của 02 đứa em và đứa cháu mà không có một lời hỏi mượn hay xin, đã xâm phạm đến quyền lợi và tài sản của người khác.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 19/4/2018 (bút lục 85) ông H1 trình bày: Nguồn gốc đất ông K và ông P tranh chấp là cha mẹ ông để lại do ông K đứng tên từ khi mẹ ông còn sống, ông K đứng tên hết phần đất cha mẹ để lại là được sự thống nhất của mẹ, các anh chị em cũng không ai có ý kiến gì. Sau khi làm Lộ Chín Ruối - Xẻo Nhàu, ông K cho bà T1 nền ngang 10 mét, P 10 mét, K1 10 mét, U 10 mét, H1 10 mét, S 07 mét. Trong thời gian ông P cất nhà ở trên đất này thì lấn qua phần đất các người khác, cụ thể: S 07 mét, K1 10 mét, U khoảng 02 mét. Nay thống nhất và đồng ý với yêu cầu của ông K là cho ông P 10 mét, phần chiếm của những người khác thì phải trả lại.

Tại phiên tòa ông H1 trình bày: Yêu cầu xem xét việc ông K y lại việc đứng tên giấy tờ đất nên đứng ra phân chia cho anh em trong đó có phần đất của ông và ông P, yêu cầu ông K tách giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ra cho ông. Từ trước đến nay không tranh chấp hay yêu cầu thừa kế tài sản.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, bà T trình bày:

Tại tờ tường trình ngày 28/02/2018 bà T trình bày: Trước đây cha mẹ còn sống có sử dụng phần đất và khi qua đời đã ủy quyền cho ông K quản lý, sử dụng. Khi Lộ Chín Ruối thi công thì đất vườn trở thành đất nền, ông K cho anh em mỗi người một nền nhà. Bà T và ông Đ1 cũng được cắt phần chia nhưng không nhận vì đã tạo lập đất đai, tài sản riêng; ông K là con trai út phải thờ cúng nên để lại cho ông K xem như làm kinh phí giỗ cha mẹ. Ngoài nền được ông K cho, ông P lấn chiếm phần nền của những người khác là vô cùng phi lý.

Tại các biên bản ghi lời khai, bà T xác định không tranh chấp thừa kế tài sản; anh em đã thống nhất giao toàn quyền cho ông K quản lý, sử dụng và đứng chủ quyền thì ông K có quyền quyết định. Bà không yêu cầu gì.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Đ1, ông H, bà K1, bà U, bà T1, anh S có lời trình bày giống nhau: Sinh thời cụ T3 không phân chia đất cho con; sau khi cụ T3 chết, cụ H3 mới cho đất các con gồm: ông H1, P, H mỗi người một nền nhà giáp Kinh Xẻo Nhàu, phần nền còn lại để cho K. Phần đất ruộng cụ H3 cho mỗi người một mương, gồm: ông H, ông P, ông H1, bà T1, phần còn lại giao cho K. Phần đất vườn không phân chia cho ai mà giao toàn bộ cho K. Khi làm Lộ Xẻo Nhàu ngang đất vườn, ông K có bàn bạc với anh em sẽ cho mỗi người một nền,

gồm: ông H, ông H1, ông P, bà T1, bà K1, bà U mỗi người một nền ngang 10 mét, phần còn lại khoảng 07 mét cho anh S là con bà Đ2. Sau khi ông P về cất nhà ở trên phần 10 mét ông K cho thì lần chiếm luôn phần còn lại mà ông K dự định cho bà U, bà K1, anh S. Tất cả không ai tranh chấp thừa kế tài sản. Đất đã thống nhất giao cho ông K chủ quyền thì ông K có quyền quyết định.

Tại phiên tòa ông H, bà K1, bà U, bà T1 có nội dung trình bày giống nhau: Không tranh chấp chia thừa kế. Thống nhất việc anh em cho ông K đứng tên và hưởng phần đất cha mẹ để lại và đồng ý theo yêu cầu của ông K; ông P được ông K cho ngang 10 mét thì sử dụng đủ 10 mét, phần còn lại giao trả cho ông K để ông K cho bà K1, bà U và anh S.

- *Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng và chấp hành nội quy phiên tòa. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm bà N, ông Đ1, bà T, anh S có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là đúng quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, vụ án thụ lý ngày 05/10/2017 đến ngày 24/12/2021 Thẩm phán mới ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử là vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử nên cần rút kinh nghiệm. Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông P và bà N trả cho ông K diện tích đất 132,4 m² theo sơ đồ bản vẽ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn là ông K cho rằng bị đơn ông P lấn chiếm đất, các bên không thỏa thuận được nên xảy ra tranh chấp, ông K yêu cầu ông P trả diện tích đất đã lấn chiếm. Các đương sự không ai yêu cầu về việc chia thừa kế. Do đó, xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp đòi quyền sử dụng đất*”.

Ông K yêu cầu vợ chồng ông P (vợ là bà N) trả quyền sử dụng đất, đất tranh chấp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng cho ông K và giấy chứng nhận ghi Hộ ông (bà) nên Tòa án đã đưa vợ, con ông K là bà Đ (vợ), anh V (con) và L (con) vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Bà Đ, anh V, anh L đồng ủy quyền cho ông K đứng quy định nên ông K là người đại diện theo ủy quyền của bà Đ, anh V, anh L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đ1, bà N, bà T, anh S có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Các đương sự không yêu cầu bồi thường tài sản có trên đất, nếu buộc giao đất thì tự di dời nên Tòa án không cần tiến hành định giá tài sản có trên đất.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà K1, bà U, anh S có đơn yêu cầu ông P trả đất nhưng sau đó có ý kiến đất của ông K và khẳng định không yêu cầu, khi nào ông K lấy lại được đất nếu ông K cho thì nhận. Ông P cũng có đơn phản tố nhưng sau đó ông P xác định không yêu cầu trong vụ án này. Do đó, các nội dung này không được thụ lý nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Nếu sau này có tranh chấp diện tích đất hay nội dung chưa được giải quyết trong vụ án này thì các đương sự có quyền khởi kiện trong vụ án khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã giải thích các trường hợp được trợ giúp pháp lý và quyền yêu cầu người bảo vệ quyền lợi hợp pháp, nhưng các đương sự đều xác định không thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý và tự bảo vệ quyền lợi cho mình.

[2] Nội dung tranh chấp: Ông K cho rằng sau khi phân chia đất cho các con, do ông là con trai út ở chung cha mẹ nên phần còn lại giao cho ông quản lý, sử dụng. Sau khi cụ T3 chết thì cụ H3 và các anh chị em trong gia đình thống nhất phần đất còn lại chuyển quyền sử dụng cho ông K và ông K được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi nhà nước làm Lộ Xẻo Nhàu thì ông có trao đổi với anh em trong gia đình sẽ cho ông P, bà K1, bà U, ông H1 mỗi người chiều ngang 10 mét và đưa cháu con bà Đ2 (anh S) phần còn lại khoảng 07 mét. Sau khi ông P cất nhà trên phần đất 10 mét được cho thì lấn chiếm luôn toàn bộ phần đất mà ông K dự kiến cho bà K1, bà U, anh S. Ông P cho rằng trước đây được cụ H3 cho phần đất ngang 20 mét, phần còn lại ông tự đào nên không thống nhất yêu cầu của ông K.

[3] Về nguồn gốc đất là của cụ T3 (chết năm 1986) và cụ H3 (chết năm 1998) để lại; các anh em thừa nhận nguồn gốc đất nên đây là tình tiết, sự kiện có thật không cần phải chứng minh theo Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình sử dụng đất: Cụ T3 và cụ H3 sinh thời có tạo lập được một số đất, khi còn sống cụ H3 có cho các con (cho không đều và có người không được cho). Ông K là con trai út sống chung gia đình, sau khi đã cho đất các con thì phần còn

lại cho ông K toàn bộ và ông K được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tòa án đã có văn bản yêu cầu cơ quan cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông K sao chụp hồ sơ cấp giấy nhưng hiện tại không còn lưu trữ. Mặc dù không thu thập được hồ sơ cấp giấy cho ông K nhưng tất cả các anh chị em của ông K (trừ ông P) đều thừa nhận cụ H3 có cho toàn bộ phần đất còn lại cho ông K và thời điểm đó tất cả anh em trong gia đình đều thống nhất giao toàn quyền cho ông K, việc ông K được đứng tên anh em đều biết và thống nhất, không ai tranh chấp gì. Ngoài phần đất đã cho những người khác, phần còn lại giao cho ông K và ông K đã sử dụng liên tục từ khi cụ H3 còn sống cho đến khi phân chia đất nền cho anh em.

Phần đất trước khi xảy ra tranh chấp là đất vườn, sau đó nhà nước mức Kinh Tả Hữu và làm Lộ Xẻo Nhàu cắt ngang phần đất, hiện tại một hướng giáp Lộ Xẻo Nhàu, một hướng giáp Kinh Tả Hữu (Ven Dọc). Ông P cho rằng ông được cụ H3 cho đất từ Kinh Xẻo Nhàu đến Kinh 10. Ông P trình bày nhưng không đưa ra được tài liệu chứng cứ gì chứng minh việc được cụ H3 cho đất như lời trình bày của ông và tất cả các anh em của ông P cũng không thừa nhận và đều xác định khi cho đất cụ H3 chỉ cho từ mé vườn trở ra, không cho đất vườn nên tất cả anh em chỉ sử dụng đất vuông, toàn bộ đất vườn do ông K quản lý, sử dụng. Sau khi làm lộ, ông K cho anh em mỗi người 10 mét để cất nhà ở, trong đó có ông P. Tài liệu, chứng cứ ông P cung cấp là Quyết định thu hồi đất của ông P vào năm 2014 là thu hồi đất thuộc Dự án khu quy hoạch xây dựng đường tỉnh lộ 964 huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang - Là phần đất trồng lúa, nuôi tôm, không liên quan gì đến đất tranh chấp. Tại phiên tòa, ông P cũng không trình bày được mục đích cung cấp tài liệu này để chứng minh điều gì. Phần đất tranh chấp nằm đoạn giữa đất nền nhà của ông P bán cho bà U (giáp Kinh Xẻo Nhàu) và phần đất hiện tại ông nuôi tôm. Nhưng phần đất nền nhà và phần đất ông P đang nuôi tôm cũng không có chiều ngang 20 mét như ông đã trình bày được cụ H3 cho chạy dọc 20 mét.

Tại bản tự khai ngày 06/12/2017 ông P trình bày phần đất ông được cho chiều ngang 22 mét, dài khoảng 350 mét, diện tích khoảng 7.700 m². Năm 1992 có cổ cho bà T, đến năm 2010 thì chuộc lại cất nhà ở, làm chuồng heo, làm hàng rào nên xảy ra tranh chấp với ông K. Tuy nhiên, bà T là chị ruột của ông K và ông P xác định ông P chỉ chuyên nhượng cho bà T phần đất ruộng với giá 1,7 lượng vàng, sau đó ông P về lấy lại và trả vàng lại cho bà T. Hơn nữa, có lúc ông P trình bày được cho chiều ngang 20 mét, có lúc 22 mét. Ông P cho rằng khi cụ H3 cho đất các con là cho dọc từ Kinh Xẻo Nhàu đến Kinh 10. Tuy nhiên, bà T1 cũng

được cho đất nhưng cũng chỉ là đất ruộng chứ không có nền nhà giáp Kinh Xẻo Nhàu. Ông P trình bày cụ H3 cho ông H1 chiều ngang 31 mét, nếu như lời trình bày của ông là đúng, ngoài phần 10 mét ông H1 đang sử dụng, ông H1 lấy thêm 21 mét nữa thì còn đất đâu để ông lấn chiếm dẫn đến tranh chấp như hiện nay. Như vậy lời trình bày của ông P không thống nhất với nhau, thể hiện sự gian dối trong lời trình bày của mình.

[4] Khi nhà nước làm Lộ Xẻo Nhàu ngang đất vườn, ông K cũng là người nhận toàn bộ tiền đền bù, lúc này anh em không ai có ý kiến gì. Điều này chứng tỏ anh em trong gia đình, kể cả ông P cũng thừa nhận quyền sử dụng đất là của ông K nên ông K có quyền nhận tiền bồi thường, không ai ngăn cản hay tranh chấp. Khi ông P xây dựng lấn qua phần đất của ông K, ông K có yêu cầu địa phương giải quyết. Tại phiên hòa giải ngày 01/9/2016 của Ủy ban nhân dân xã Tân Thạnh, ông P yêu cầu được giữ nguyên hiện trạng 17 mét. Qua động viên thì ông K và ông P thống nhất cho ông P 15 mét. Như vậy việc ông P trình bày được cụ H3 cho 20 mét là không có căn cứ. Hơn nữa, nếu như phần đất vườn có Lộ Xẻo Nhàu cắt ngang được chia đều cho các anh em thì ông P có chiều ngang cũng không đến 10 mét.

[5] Xét về quy định pháp luật, ông K đã được nhà nước công nhận quyền sử dụng đất và sử dụng liên tục từ khi cha mẹ còn sống đến khi ông P lấn chiếm. Việc ông K được cấp giấy chứng nhận và sử dụng đất đều được tất cả anh em thống nhất và thừa nhận. Xét về đạo đức xã hội, mặc dù ông K là người có quyền quyết định đối với phần đất của ông được công nhận, nhưng ông đã tôn trọng ý kiến của anh chị em trong gia đình, khi có ý định cho đất anh chị em trong gia đình, ông đã tổ chức họp mặt anh em để tham khảo ý kiến. Ông K không phân biệt nam nữ đối với anh chị em trong gia đình, các chị em nữ chưa được cho đất, chưa có nơi ở ổn định ông K đều dự kiến cho một phần đất để ở. Suy nghĩ và hành động của ông K thể hiện tính công bằng, đạo đức xã hội, sự quan tâm, chia sẻ giữa anh em trong gia đình, cần được biểu dương, phát huy và nhân rộng.

Ông P và ông H1 cho rằng biên bản họp gia đình là làm giả tạo, không có mặt ông P và ông H1. Tuy nhiên, có họp mặt anh em để trao đổi hay không thì cũng không ảnh hưởng lớn đến nội dung vụ án, bởi quyền quyết định cho đất anh chị em là của ông K, ý kiến của những người khác chỉ để ông K tham khảo, chứ không mang tính quyết định.

[6] Từ những phân tích trên thấy rằng: Yêu cầu của ông K và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở, phù hợp quy định của pháp luật, phù hợp đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc ông P và bà N tháo dỡ, di dời tất cả công trình, cây trồng có trên đất tranh chấp, giao trả đất cho ông K.

[7] Các đương sự không yêu cầu bồi thường, hỗ trợ di dời nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với yêu cầu của ông H1 tại Tờ trình ghi ngày 10/01/2022 và yêu cầu tại phiên tòa có nội dung không rõ ràng, cụ thể. Nội dung yêu cầu này từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử ông H1 không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

Đối với phần đất ông K cho ông P và ông H1 mỗi người chiều ngang 10 mét, ông K vẫn tiếp tục cho nhưng ông P, ông H1 không yêu cầu công nhận hay yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 1.100.000 đồng, ông P là người thất kiện nên phải chịu, ông K đã tạm nộp xong nên ông P có nghĩa vụ hoàn trả cho ông K.

Phí khai thác hồ sơ từ Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện An Minh là 250.000 đồng, ông K đã nộp xong và tự nguyện chịu, không yêu cầu ông P hoàn trả.

[9] Án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân S và Điều 6, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; ông P và bà N phải chịu án phí theo quy định.

Hoàn trả cho ông K tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 91, 92, 147, 157, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân S;

Căn cứ Điều 166, 221 của Bộ luật Dân S năm 2015; Điều 100, 166, 203 của Luật đất đai; Điều 6, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1- Chấp nhận yêu cầu của ông K về việc đòi quyền sử dụng đất đối với ông P và bà N. Buộc ông P và bà N tháo dỡ, di dời công trình, cây trồng có trên đất, để giao trả cho ông K diện tích đất đo đạc thực tế là 132,4 m², phần đất có tứ cận như sau: chiều dài giáp đất ông P sử dụng là 5,07 mét, chiều dài giáp đất ông H1 sử dụng là 5,17 mét, chiều ngang giáp mốc giải tỏa 26,07 mét (đo từ vị T3 số 3 về hướng vị T3 số 6), chiều ngang giáp Ven Dọc (Kinh Tả Hữu) 25,68 mét (đo từ vị T3 số 2 về hướng vị T3 số 5). Phần đất thuộc thửa 89, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại ấp A, xã T, huyện M, tỉnh Kiên Giang, do hộ ông (bà) K đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

(Phần đất nêu trên được thể hiện theo sơ đồ bản vẽ của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện An Minh lập ngày 05/12/2018- Bút lục 153, 154).

2- Nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng:

Buộc ông P và bà N cùng liên đới trả lại cho ông K phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 1.100.000 đồng (Một triệu một trăm nghìn đồng).

Ông K chịu phí khai thác hồ sơ 250.000 đồng (Hai trăm năm mươi nghìn đồng), ông K đã nộp xong.

3- Án phí sơ thẩm:

Ông P và bà N cùng liên đới chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Hoàn trả cho ông K tiền tạm ứng án phí đã nộp là 308.750 đồng (Ba trăm lẻ tám nghìn bảy trăm năm mươi đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000458 ngày 05/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh.

4- Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PÊN TÒA**

Ngô Trường Hận